

BẢN TIN

# THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số 01. 2023



**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
HƯỞNG ỨNG TẾT TRỒNG CÂY  
XUÂN QUÝ MÃO 2023**

# TRONG SỐ NÀY

## TIN TỨC - SỰ KIỆN

- 01 Bộ Khoa học và Công nghệ đưa ra 08 nhiệm vụ trọng tâm phát triển Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2023
- 02 Hội nghị Tổng kết Ngành Khoa học và Công nghệ Quảng Trị năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023
- 03 Sở KH&CN Quảng Trị: Hưởng ứng Tết trồng cây Xuân Quý Mão năm 2023
- 04 Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023
- 05 Nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cơ sở “Khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng về hoạt động đo lường, chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”
- 06 Ban hành Kế hoạch duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ
- 07 Hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- 08 Kết quả đề tài KH&CN cấp tỉnh: Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay
- 09 Kết quả đề tài KH&CN cấp tỉnh: Nghiên cứu, xây dựng mô hình thí nghiệm một số giống cà phê chè có triển vọng trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

## KHỞI NGHIỆP - ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- 10 Khai thác cơ hội số hóa ở bộ phận bán hàng (phần cuối)
- 11 Tạo không gian an toàn cho đổi mới sáng tạo nhờ các chương trình gia tốc đổi mới sáng tạo

## VĂN BẢN MỚI

- 12 Thông tư Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học (QCVN 1:2022/BKHCN)



Đơn vị thực hiện:

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU,  
ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN KH&CN**

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ,  
Phường Đông Lương, Tp. Đông Hà,  
tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0233. 3857030

## Bộ Khoa học và Công nghệ đưa ra 08 nhiệm vụ trọng tâm phát triển Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2023



*Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, phương thức quản lý tài chính các chương trình, nhiệm vụ KH&CN các cấp để giảm bớt thủ tục hành chính, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển giao, xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.*

**M**ới đây, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN&ĐMST). Tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ KH&CN Lê Xuân Định đã trình

bày báo cáo, trong đó nêu lên các nhiệm vụ trọng tâm phát triển KH, CN&ĐMST năm 2023.

*Một là, hoàn thiện chính sách, pháp luật về KH, CN&ĐMST để phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển KH&CN gắn*



với đổi mới sáng tạo (ĐMST), trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

Xây dựng, trình Chính phủ, Quốc hội 04 Luật sửa đổi, bổ sung các luật: Luật KH&CN; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Năng lượng nguyên tử. Theo đó, trong năm 2023, Bộ KH&CN phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng Luật KH&CN, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trình Chính phủ thông qua.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, phương thức quản lý tài chính các chương trình, nhiệm vụ KH&CN các cấp để giảm bớt thủ tục hành chính, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển giao, xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, ưu tiên nguồn lực để KH,CN&ĐMST với các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh công nghệ mới là động lực chính của tăng trưởng kinh tế.

Rà soát, bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật về đánh giá khoa học và định giá công nghệ. Tăng cường phát triển hệ thống dự báo, đánh giá trình độ, năng lực công nghệ sản xuất,

lộ trình đổi mới công nghệ của một số lĩnh vực ưu tiên và một số lĩnh vực gắn với sự đầu tư của doanh nghiệp có thể mạnh của Việt Nam.

Xây dựng cơ chế và đề xuất triển khai áp dụng khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong một số dự án KH&CN. Trong năm 2023, tập trung xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST cả trong nước và ngoài nước; khuyến khích doanh nghiệp thành lập và tăng quy mô các Quỹ phát triển KH&CN, sử dụng hiệu quả Quỹ cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới và phát triển công nghệ, đặc biệt là hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học thông qua đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung, các dự án ương tạo công nghệ, dự án chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp; khuyến khích hợp tác công - tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

*Hai là*, tập trung nguồn lực để triển khai có chất lượng và hiệu quả Chiến lược phát triển

KH,CN&ĐMST đến năm 2030. Nâng cao năng lực công nghệ cốt lõi, thúc đẩy năng suất chất lượng, tận dụng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*Ba là*, triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình KH&CN cấp quốc gia đến năm 2030 theo hướng phát triển các hướng nghiên cứu cơ bản, các hướng công nghệ ưu tiên, các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của đất nước hoặc phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia và gắn kết với lộ trình công nghệ của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với nội dung Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030. Bộ KH&CN thực hiện vai trò trung tâm trong điều phối, liên kết với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và doanh nghiệp về hoạt động KH,CN&ĐMST, góp phần thiết thực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

*Bốn là*, hoàn thiện hệ thống ĐMST quốc gia, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học là các chủ thể nghiên cứu KH,CN&ĐMST. Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm phát triển thị trường KH&CN theo hướng đồng bộ, hiệu quả hiện đại và hội nhập.

*Năm là*, tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng

hóa; bảo hộ, thực thi phát triển và khai thác tài sản trí tuệ; phát triển và ứng dụng năng lượng nguyên tử, bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân.

*Sáu là*, đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược, quốc gia tiên tiến về KH,CN&ĐMST. Tiếp tục triển khai các chương trình nghiên cứu quốc tế, các nhiệm vụ hợp tác song phương. Mở rộng, phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện KH&CN Việt Nam ở nước ngoài.

*Bảy là*, tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong hoạt động KH&CN, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu công nghiệp, an toàn bức xạ và hạt nhân. Trọng tâm năm 2023, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

*Tám là*, đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số gắn với cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

<https://vjst.vn>

## Hội nghị Tổng kết Ngành Khoa học và Công nghệ Quảng Trị năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023



*Ông Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở KH&CN phát biểu tại Hội nghị*

**N**gày 06/1/2023, Tại Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị đã diễn ra Hội nghị Tổng kết Ngành Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Quảng Trị năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023.

Năm 2022, quán triệt và thực hiện phương châm hành động của Ban Thường vụ tỉnh Quảng Trị: “Trách nhiệm kỷ cương - Thích ứng an toàn - Thúc đẩy tăng

trường”, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện kịp thời, quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã đề ra trong Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Kết luận của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 của UBND tỉnh, đưa

KH&CN ngày càng gắn với thực tiễn đời sống và phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*Công tác tham mưu ban hành cơ chế, chính sách về KH&CN:* Năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh. Các chủ trương, chính sách được ban hành phục vụ có hiệu quả hoạt động quản lý KH&CN trên địa bàn tỉnh, góp phần khẳng định đóng góp của KH&CN vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

*Công tác Nghiên cứu và triển khai:* Năm 2022, triển khai 21 nhiệm vụ KH&CN các cấp gồm: 01 nhiệm vụ cấp Nhà nước, 01 nhiệm vụ cấp Viện; Phê duyệt và triển khai 10 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, 09 nhiệm vụ cấp cơ sở. Tổ chức Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với 02 nhiệm vụ cấp Nhà nước, 11 nhiệm vụ cấp tỉnh và 02 nhiệm vụ cấp cơ sở. Các nhiệm vụ KH&CN được tổ chức thực hiện gắn với việc phát triển các hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh sản phẩm, tập trung triển khai các nội dung liên quan đến nhãn hiệu, thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến tạo sản phẩm chất lượng cao.

*Hoạt động chuyển giao, ứng dụng KH&CN vào quản lý, sản xuất, kinh doanh được đẩy mạnh.* Tiêu biểu: Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ viên nén chuyên dùng cho cây lúa quy mô công nghiệp; quy trình sản xuất phân hữu cơ từ vỏ cà phê tại xã Hướng Phùng quy trình chế biến sâu một số sản phẩm; Chuyển giao quy trình và hướng dẫn công nghệ sấy bơm nhiệt (sấy lạnh) cho sản phẩm chuối sấy dẻo tại Nhà máy chế biến nông lâm sản Toàn Cầu, Công ty TNHH MTV Khương Tuyển thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa; quy trình trồng và thu hái cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP...Ngoài ra, đã nghiên cứu, ứng dụng, hoàn thiện, làm chủ quy trình công nghệ sản xuất và thương mại được các dòng sản phẩm chế biến khác nhau từ các loại nông sản.

*Công tác Thông tin và Thống kê KH&CN* nhanh chóng, kịp thời và phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về KH&CN. Hàm lượng thông tin được nâng cao về chất lượng và tính thời sự; Tuyên truyền kịp thời kết quả nghiên cứu triển khai, tập trung tuyên truyền về các công nghệ mới có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn; Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện phần mềm quản lý hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Số hóa, lưu trữ hồ sơ nhiệm vụ khoa học công nghệ giai đoạn



2010-2021; Tập trung số hóa Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của đơn vị; Tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu Cơ sở dữ liệu KH&CN nhằm phục vụ cho kế hoạch chuyển đổi số của ngành theo lộ trình. Tập trung thực hiện thu thập số liệu báo cáo thống kê ngành KH&CN theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN. Triển khai điều tra thống kê các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh về KH&CN năm 2022 với 300 doanh nghiệp. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN 18 nhiệm vụ.

*Hoạt động Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo:* Năm 2022, tiếp tục đẩy mạnh triển khai nhiều hoạt động xây dựng hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Tổ chức tuyên truyền Ngày khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia 21/4/2022. Tổ chức huấn luyện về kỹ năng thuyết trình, lập kế hoạch gọi vốn; kỹ năng gọi vốn, nắm bắt tâm lý của nhà đầu tư; tổ chức kết nối cố vấn khởi nghiệp cho các tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân có dự án khởi nghiệp; Tổ chức 05 đợt tham gia các ngày hội khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo TECHFEST vùng và Quốc gia. Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hỗ trợ doanh nghiệp, Sở đã phối hợp Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Quảng Trị tổ chức Hội thảo

“Các chính sách KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp” và Ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Sở Khoa học và Công nghệ với Hội Doanh nghiệp trẻ. Đã khảo sát, tổng hợp, đăng ký nhu cầu tìm kiếm, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và phát triển công nghệ từ nước ngoài của doanh nghiệp; Hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh và trung ương như: Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh, Thông qua những ưu đãi tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 03/2021/TT-BTC hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt đề án “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Tiếp tục tổ chức thành công cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2022 với mục tiêu sàng lọc các dự án, ý tưởng xuất sắc hàng năm thông qua cuộc thi và hỗ trợ thông qua đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

*Công tác hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết*



số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026, đạt một số kết quả quan trọng. Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định hỗ trợ kinh phí với 18 đối tượng/dự án. Cụ thể: Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao với 05 dự án, kinh phí hỗ trợ 658 triệu đồng. Hỗ trợ cho 05 đối tượng trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ với kinh phí hỗ trợ 25 triệu đồng; riêng lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng hỗ trợ 08 tổ chức/cá nhân với kinh phí hỗ trợ là 148 triệu đồng. *Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 324 “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”* hỗ trợ ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất nông nghiệp và xử lý chất thải phục vụ đời sống.

*Công tác Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ*, đã tham gia ý kiến và thẩm định công nghệ 80 dự án đầu tư (tính đến 31/12/2022). Tích cực tìm kiếm, khảo sát và hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp có tiềm năng nhằm đáp ứng điều kiện để thành lập doanh nghiệp KH&CN và đã thẩm định, cấp 02 giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trong năm 2022. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài

sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu, góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng của các sản phẩm nổi tiếng, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh; góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

*Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng* đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, chống gian lận trong thương mại, hạn chế việc sản xuất và tiêu thụ hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

*Công tác thanh tra KH&CN* được chú trọng, đảm bảo phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn, ....

Năm 2022, hoạt động KH&CN tỉnh đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tế cũng như đòi hỏi của nhiệm vụ trong tình hình mới, nhìn chung hoạt động khoa học công nghệ vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế nhất định.

Năm 2023, ngành KH&CN tiếp tục tổ chức thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

Tập trung thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về khoa học, **công nghệ và đổi mới sáng tạo**, tập trung khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, **công nghệ và đổi mới sáng tạo** để KH&CN trở thành đòn bẩy của công cuộc tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Cụ thể:

**1. Về công tác tham mưu xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách của ngành:** Tập trung xây dựng, triển khai các chính sách địa phương để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp công nghiệp lần thứ tư như: **hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tập trung phát triển các lĩnh vực ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao.** Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. Cụ thể: Tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai có hiệu quả Đề án phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị đến năm 2030; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị; Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ

chức thực hiện hiệu quả “*Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*”; Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình “*Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030*”.

**2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:**

Tập trung phát triển các công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng vào thực tiễn để phát triển các sản phẩm cụ thể, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của địa phương, trong từng ngành và các công nghệ chiến lược, nền tảng của CMCN 4.0, có tác động lan tỏa đến các ngành, lĩnh vực khác, trọng tâm là: công nghệ thông tin và truyền thông, cơ điện tử; công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng; trí tuệ nhân tạo và tự động hóa; công nghệ sinh học... Đi sâu nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN để phát triển các cây, con chủ lực theo hướng bền vững thông qua xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất, nhằm tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm và có giá trị kinh tế cao.

Đẩy mạnh công tác thông tin KH&CN về cơ sở. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt

Đề án “*Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*”.

### **3. Hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực**

Công nghệ và an toàn bức xạ hạt nhân: Tăng cường công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư nhằm hạn chế tình trạng doanh nghiệp nhập khẩu các thiết bị, máy móc công nghệ lạc hậu gây lãng phí đầu tư, ô nhiễm môi trường. Tăng cường đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ, tư vấn, hỗ trợ đưa KH&CN ứng dụng vào sản xuất trên địa bàn tỉnh. Khảo sát, đánh giá hiện trạng, năng lực công nghệ và nhu cầu đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, lộ trình đổi mới công nghệ để định hướng nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp. Kết nối có hiệu quả các sản phẩm dịch vụ công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng với Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN của tỉnh. Duy trì công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ, đảm bảo kiểm soát tốt nguồn phóng xạ tại cơ sở.

**Hoạt động Sở hữu trí tuệ:** Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 03/08/2022 Kế hoạch thực hiện Chương trình

phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Trị đến năm 2030. Triển khai tốt các chương trình hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là các sáng chế tại tỉnh trên cơ sở tuân thủ pháp luật trong nước và đảm bảo lợi ích quốc gia. Tập trung hỗ trợ xác lập, quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản, thế mạnh của tỉnh. Phát triển các sản phẩm có khả năng hoàn thiện nâng cấp trong Chương trình Mỗi xã một sản phẩm - OCOP của tỉnh.

**Hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN, phát triển thị trường KH&CN; hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:** Phát triển thị trường KH&CN, phát triển doanh nghiệp KH&CN. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp KH&CN. Khuyến khích thành lập các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN dựa trên nền tảng số, internet và không gian mạng. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ. Rà soát, tham mưu triển khai các quy định về lập và sử



dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, tạo sự chủ động và thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong sử dụng quỹ cho chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và phát triển. Triển khai mạnh mẽ các chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/08/2019 về Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025.

### ***Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường chất lượng***

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế” và Kế hoạch triển khai Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh” trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm hàng hóa (Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo

tiêu chuẩn tiên tiến trong sản xuất, dịch vụ; xây dựng, công bố tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm; tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia, quốc tế...). Hỗ trợ áp dụng các Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của trong nước và quốc tế cho các sản phẩm OCOP của tỉnh đủ điều kiện để nâng hạng 4 sao, 5 sao.

Triển khai có hiệu quả việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh năm 2023.

**Công tác thanh tra:** Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thanh tra năm 2023 trên tinh thần vừa bảo vệ lợi ích nhà nước và của người tiêu dùng, đồng thời phải tạo thuận lợi tối đa có thể cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chú trọng phối hợp với đơn vị liên quan để giảm số lần thanh tra, kiểm tra tại các doanh nghiệp, tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của các doanh nghiệp. Triển khai có hiệu quả công tác pháp chế, tập trung thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật...

#### 4. Các đơn vị sự nghiệp

**KH&CN:** Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Giao quyền tự chủ cho các tổ chức KH&CN trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Tập trung đầu tư nguồn lực tài chính cho tổ chức KH&CN công lập để tăng cường tiềm lực, nâng cao hiệu quả hoạt động.

#### 5. Tăng cường tiềm lực

**KH&CN:** Tăng cường tiềm lực KH&CN, tập trung đầu tư trọng điểm, có chất lượng và hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, môi trường; các phòng kiểm định, hiệu chuẩn đo lường; các phòng

thí nghiệm về công nghệ sinh học phục vụ có hiệu quả phát triển KH&CN, quản lý nhà nước về KH&CN và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh về các công nghệ chủ chốt của cuộc CMCN 4.0. Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh xây dựng và phát triển các mạng lưới trí thức, nhân tài về các công nghệ chủ chốt của CMCN 4.0. Tiếp tục phối hợp tham mưu cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hơn để huy động trí thức, nhà khoa học trên địa bàn tỉnh trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ mới.

**Hải Yến**

## Sở KH&CN Quảng Trị: Hưởng ứng Tết trồng cây Xuân Quý Mão năm 2023

**S**áng ngày 27/1/2023, trong không khí đầu xuân, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Quảng Trị tổ chức hưởng ứng Tết trồng cây Xuân Quý Mão năm 2023 tại Trạm Nghiên cứu và Phát triển Nấm. Tham dự Tết trồng cây có các đồng chí trong Ban Giám đốc Sở; Đại diện Công đoàn; Đại diện Đoàn Thanh niên; Đại diện lãnh đạo các phòng, Đơn vị

thuộc Sở.

Trong nhiều năm qua, đã trở thành truyền thống cứ mỗi dịp đầu xuân năm mới Sở KH&CN tổ chức các hoạt động trồng cây. Từ đó, nỗ lực xây dựng, củng cố cảnh quan đơn vị; Trồng mới cây xanh quanh khuôn viên, cây lấy gỗ mỗi năm. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực hưởng ứng việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, qua đó tuyên truyền,



*Ông Trần Ngọc Lâm, Giám đốc Sở; Ông Đào Ngọc Hoàng, Phó Giám đốc Sở đã cùng đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở tiến hành trồng cây tạo cảnh quan trong khuôn viên Trạm Nghiên cứu và Phát triển Nấm*

giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ về việc trồng và bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường sinh thái, chống biến đổi khí hậu.

Để Tết trồng cây mang lại hiệu quả thiết thực, thời gian tới

các Đoàn viên Công đoàn, Chi đoàn Sở của mỗi đơn vị sẽ tăng cường công tác chăm sóc, quản lý, bảo vệ và trồng thêm nhiều cây xanh làm để làm đẹp thêm vườn hoa cây cảnh trong khuôn viên các đơn vị thuộc Sở.

Hưởng ứng lời dạy của Bác Hồ “Mùa xuân là tết trồng cây, làm cho đất nước càng ngày càng xuân”. Trong những năm qua, mỗi dịp Tết đến, Xuân về, các cấp, các ngành và nhân dân trong toàn tỉnh Quảng Trị đã thường xuyên duy trì phong trào trồng cây, trồng rừng, góp phần quan trọng trong việc phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu. Năm 2022, toàn tỉnh đã triển khai trồng được trên 12.000 ha rừng và trên 3 triệu cây phân tán; sản xuất trên 27 triệu cây giống lâm nghiệp các loại đảm bảo chất lượng để tổ chức tốt trồng rừng tập trung; sản lượng gỗ rừng trồng khai thác đưa vào tiêu thụ đạt trên 1 triệu m<sup>3</sup>, góp phần đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định cho ngành công nghiệp chế biến gỗ trong và ngoài tỉnh; độ che phủ rừng đạt mức 49,9% góp phần quan trọng trong việc ổn định môi trường sinh thái, cảnh quan và giảm thiểu những hậu quả do biến đổi khí hậu gây ra.



## Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023

**T**hực hiện Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2023; Triển khai Kế hoạch Cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 của Sở Khoa học và Công nghệ ban hành theo Quyết định số 333/QĐ-SKHCN ngày 29/12/2021, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

### **Công tác chỉ đạo điều hành:**

Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh tuyên truyền, đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, gắn kết quả CCHC với công tác thi đua, khen thưởng;..

**Cải cách thể chế, theo dõi thi hành pháp luật:** Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;..

**Cải cách thủ tục hành chính:** Cập nhật, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính phù hợp do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mới, trình UBND tỉnh công bố danh mục, quy trình nội bộ đúng quy định; niêm yết công khai đúng quy định tại trụ sở và cổng thông tin điện tử của Sở; Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Kế hoạch số 51/KH-SKHCN ngày 29/11/2022 ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính nội bộ Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2022-2025; Triển khai Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên quan trong giải quyết TTHC. Tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện nghiêm quy định về xin lỗi trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC đối với cá nhân, tổ chức; Đẩy mạnh áp dụng

công nghệ số để cải tiến mọi quy trình, thủ tục của Sở. Nâng cao chất lượng, thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4 trên cổng dịch vụ công của tỉnh

**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:** Rà soát, ban hành mới chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của của Sở và đơn vị trực thuộc Sở theo quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành; Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở chưa đảm bảo theo đúng quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; Hoàn thành việc điều chỉnh, phê duyệt vị trí việc làm các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;..

**Cải cách chế độ công vụ:** Tiếp tục xây dựng, đào tạo đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao theo yêu cầu trong tình hình mới; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao đạo đức công vụ, thực thi nhiệm vụ gắn với vị trí, chức danh và

yêu cầu nhiệm vụ của đội ngũ công chức, viên chức. Tăng cường công tác kiểm tra đạo đức công vụ, nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức;...

**Cải cách tài chính công:** Tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý tài chính công, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập; Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công, nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhất là trong lĩnh vực đầu tư công và quản lý tài sản công;..

**Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử:** Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025,

định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở; Tiếp tục triển khai thực hiện các phần mềm: Hệ thống thông tin một cửa điện tử; hệ thống phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao; phần mềm Báo cáo thông tin kinh tế-xã hội; phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; phần mềm Báo cáo thông tin của Bộ

KH&CN; duy trì, cung cấp thông tin hoạt động về lĩnh vực KH&CN tại Trung tâm giám sát điều hành thông minh; Tiếp tục thực hiện hệ thống thông tin một cửa điện tử, quy trình hóa việc giải quyết công việc của Sở theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ trong Sở, đơn vị thuộc Sở.

**Trần Phượng**

## **Nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cơ sở:**

**“Khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng về hoạt động đo lường, chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”**

**Đ**ề tài “Khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng về hoạt động đo lường, chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” vừa được Hội đồng tư vấn KH&CN tổ chức đánh giá, nghiệm thu. Đề tài do bà Lê Thị Hà Nhiên chủ nhiệm, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường

**Chất lượng Quảng Trị chủ trì thực hiện.**

Đề tài tập trung khảo sát thực trạng về quản lý, sử dụng cân, quả cân, ghi nhãn đối với vàng trang sức mỹ nghệ và công bố tiêu chuẩn áp dụng tại các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Lấy mẫu các loại vàng trang sức, mỹ nghệ và thực hiện phép đo khối lượng, thử nghiệm xác định hàm lượng vàng trang sức, mỹ





*Ông Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp*

nghệ; Xử lý, phân tích đánh giá kết quả phép đo khối lượng và kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng; Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá kết quả phép đo khối lượng và kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng trang sức, mỹ nghệ.

Sản phẩm của Đề tài gồm: Bộ số liệu điều tra, khảo sát về hoạt động kinh doanh vàng của các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Các báo cáo về thực trạng về quản lý, sử dụng cân, quả cân, ghi nhãn đối với vàng trang sức mỹ nghệ và công bố tiêu chuẩn áp dụng tại các cơ sở

kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Báo cáo đánh giá kết quả phép đo khối lượng vàng và hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ tại các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài. Báo cáo khoa học kết quả đề tài và Phiếu kết quả thử nghiệm, đo lường. Đề xuất các giải pháp để góp phần tăng cường phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Hải Yến**

## Ban hành Kế hoạch duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ

**T**hực hiện Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động duy trì và củng cố Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025; Triển khai kế hoạch số 38/KH-SKHCN ngày 20/12/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về Duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công giai đoạn 2020-2025; Ngày 19/0/2023, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch số 07/KH-SKHCN Duy trì và củng cố chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công (chỉ số PAPI) năm 2023. Với các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm:

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền đến toàn thể CCVC và người lao động trong toàn Sở nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của chỉ số PAPI đối với sự phát triển của tỉnh theo các nội dung liên quan tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 38/KH-SKHCN ngày 20/12/2019 Kế hoạch Duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công của Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2020-

2025. Tham mưu các biện pháp đẩy mạnh công tác duy trì và củng cố chỉ số PAPI của Sở, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Hướng dẫn, đôn đốc các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai có hiệu quả kế hoạch duy trì và củng cố chỉ số PAPI của Sở. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin báo cáo về chỉ số PAPI; Gắn công tác duy trì và củng cố chỉ số PAPI với thực hiện quy chế dân chủ, công tác dân vận chính quyền; tiếp tục tăng cường công tác minh bạch các thông tin quy hoạch, các quyết định và hoạt động của bộ máy nhà nước của Sở; Thực hiện nghiêm túc công tác thông tin, đối thoại giữa cơ quan, chính quyền, đoàn thể với doanh nghiệp, nhân dân theo quy định. Đề xuất các sáng kiến cải thiện chỉ số PAPI gắn với nâng cao chất lượng quản lý, điều hành, chất lượng dịch vụ công. Tham mưu đề xuất UBND tỉnh giải pháp nâng cao điểm số của các chỉ số: PAPI; PAR INDER và PCI cấp tỉnh. Đẩy mạnh và cải thiện các nội dung và tiêu chí thành phần theo đánh giá chỉ số PAPI hiện hành.

**Trần Phụng**

## Hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ



**B**ộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/2/2023.

Thông tư 03/2023/TT-BTC quy định các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm: Chi hoạt động của các Hội đồng

tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm



vụ khoa học và công nghệ được thành lập theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chi thù lao, công tác phí của chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có). Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **Định mức chi quản lý nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Theo Thông tư, mức chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ như sau: Đối với Chủ tịch hội đồng, khung định mức chi tối đa là 1,5 triệu đồng/hội đồng; đối với Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng, mức chi tối đa là 1 triệu đồng/hội đồng.

Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm

vụ đề xuất thực hiện: Mức chi tối đa cho Chủ tịch hội đồng là 700.000 đồng/nhiệm vụ; mức chi cho Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng là 500.000 đồng/nhiệm vụ.

Về chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Trường hợp họp Hội đồng nghiệm thu, mức chi tối đa đối với Chủ tịch hội đồng là 1,8 triệu đồng/nhiệm vụ; đối với Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng là 1,5 triệu đồng/nhiệm vụ...

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Trần Phụng**

**Kết quả đề tài KH&CN cấp tỉnh: Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay**

Đề tài đã xây dựng cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn vấn đề nghiên cứu Xây dựng chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở tỉnh Quảng Trị; Nguyên tắc, quy trình xây dựng chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học; Giáo dục kỹ năng tự nhận thức cho học sinh tiểu học; Giáo dục kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ cho học sinh tiểu học; Giáo dục kỹ năng quản lý cảm xúc; Giáo dục kỹ năng giao tiếp; Giáo dục kỹ năng đồng cảm; Giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm cho học sinh tiểu học; Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ và hình thành, xác định các giá trị cho học sinh tiểu học; Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh Tiểu học.

- Đề xuất biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở tỉnh Quảng Trị nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục:

+ Xây dựng chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học;

+ Xây dựng quy trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học;

+ Bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng sống, phương pháp dạy học tích cực cho giáo viên trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học;

+ Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

- Tập huấn về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học: lớp (30 học viên), 1 ngày 2 lớp, mỗi lớp 2 ngày, tổng 100 học viên.

- Xây dựng mô hình thực nghiệm ứng dụng chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở tỉnh Quảng Trị./.

## Kết quả đề tài KH&CN cấp tỉnh: Nghiên cứu, xây dựng mô hình thí nghiệm một số giống cà phê chè có triển vọng trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

- Đánh giá hiện trạng thổ nhưỡng đất trồng cà phê chè tại vùng nghiên cứu cho thấy: Đất trồng cà phê tại xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị thuộc loại đất chua, hàm lượng  $Al^{3+}$  di động không cao lắm, hàm lượng chất hữu cơ ở mức trung bình, hàm lượng đạm, lân và kali tổng số ở mức trung bình, hàm lượng lân dễ tiêu nghèo, CEC ở mức trung bình đến khá, thành phần cơ giới ở nhóm thịt trung bình đến thịt nặng. Đối chiếu với tiêu chuẩn phân cấp đất trồng cà phê thì đất ở đây thích hợp cho phát triển giống cà phê chè.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình thí nghiệm, so sánh một số giống cà phê chè triển vọng có năng suất, chất lượng cao, phù hợp tại địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Đã xây dựng thành công mô hình thí nghiệm các giống mới (TN6, TN7, TN9 và THA1) so với giống đối chứng là Catimor tại 01 vùng nghiên cứu có cùng điều kiện canh tác và sinh thái giống nhau;

- Các giống TN6, TN7, TN9 và THA1 đều có khả năng sinh

trưởng, phát triển và cho năng suất cao hơn giống Catimor. Tại vụ thu kinh doanh 1, năng suất trung bình giống TN6 là 2,14 tấn nhân/ha; giống TN7 là 2,56 tấn nhân/ha; giống TN9 là 2,61 tấn nhân/ha; giống THA1 là 2,36 tấn nhân/ha và giống Catimor là 1,79 tấn nhân/ha.

Trong cùng điều kiện canh tác, các giống TN6, TN7, TN9 và THA1 có chất lượng hạt cà phê nhân sống cao hơn so với giống Catimor. Chất lượng thử nếm của các giống TN6, TN7, TN9 và THA1 được xếp vào hạng cà phê đặc sản, có số điểm lần lượt là 80,75/100 điểm, 80,05/100 điểm, 80,75/100 và 81,00/100 điểm theo tiêu chuẩn đánh giá của CQI và giống Catimor đạt 75,50/100 điểm. Đặc biệt, ở cùng vùng sinh thái nhưng các giống TN6, TN7, TN9 và THA1 chưa bị nhiễm bệnh gỉ sắt trong khi đó giống Catimor bị nhiễm bệnh gỉ sắt ở mức trung bình.

Chọn được 02 giống lai nổi trội có năng suất cao gồm TN7 và TN9. Các giống lai sinh trưởng khỏe, năng suất trung bình lần lượt là 2,56 và 2,61 tấn nhân/ha, các giống có khối lượng 100 nhân đạt

>16 g, tỷ lệ hạt trên sàng 16 đạt trung bình trên 87%, chất lượng nước uống cải thiện hơn so với giống Catimor.

Chọn được giống tự thụ THA1 là giống có dạng cây thấp tán chặt, chất lượng thử nếm cao hơn Catimor, hàm lượng caffeine < 1,6% và năng suất trung bình là 2,36 tấn nhân/ha, khối lượng 100 nhân trung bình đạt 17,0 g, tỷ lệ hạt trên sàng 16 đạt >90% và kháng rất cao với bệnh gỉ sắt. Đây là giống thuần được nhân giống bằng hạt.

Kết quả của đề tài góp phần vào công tác chuyển giao các kết quả nghiên cứu giống cà phê mới vào sản xuất, bổ sung nguồn giống cà phê chè có năng suất, chất lượng, đảm bảo phục vụ đề án tái canh cà phê của Tỉnh. Giúp bà con nông dân sản xuất cà phê chè lựa chọn được giống cà phê thay thế giống Catimor đã canh tác lâu đời và bị nhiễm bệnh gỉ sắt mạnh, hiệu quả kinh tế thấp bằng giống cà phê mới, năng suất cao hơn, chất lượng cao hơn, kháng bệnh gỉ sắt cao và hiệu quả kinh tế mang lại cao hơn cho bà con. Các cơ sở ứng dụng kết quả sẽ được tiếp cận và ứng dụng tốt các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất cà phê tại địa phương mình. Lựa chọn và sử dụng giống cà phê chè mới, phù hợp để đầu tư sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tăng cao hiệu

quả kinh tế.

Tăng năng suất cà phê bình quân lên 2-3 tấn quả tươi/ha so với giống Catimor. Chất lượng sản phẩm tăng, tình hình sâu bệnh giảm, các giống mới có khả năng kháng bệnh gỉ sắt cao; từ đó, hạn chế chi phí đầu tư thuốc BVTV, tăng giá thị trường sản phẩm cà phê, đem lại lợi ích kinh tế trực tiếp tới các hộ nông dân. Nâng cao hiệu quả kinh tế từ việc sản xuất cà phê có năng suất và chất lượng cao. Tạo điều kiện, nâng cao thu nhập cho nông dân thông qua việc áp dụng giống mới. Thông qua các buổi hội thảo, tham quan học tập tại đồng ruộng sẽ giúp cho nông dân trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức và quy trình thâm canh cây cà phê. Giúp người nông dân làm quen với việc sản xuất các giống cà phê mới, năng suất cao, chất lượng tốt; Bổ sung giống cà phê mới vào cơ cấu giống cà phê chủ lực của tỉnh Quảng Trị và dần tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, tạo nên Thương hiệu cà phê Khe Sanh trong thời gian tới. Bộ giống cà phê chè mới, ít bệnh sẽ giảm việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật trên cây cà phê. Sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn phục vụ người tiêu dùng, an toàn cho người sản xuất./.

**Tổng hợp, biên tập: Trần Phương**



## Khai thác cơ hội số hóa ở bộ phận bán hàng (phần cuối)



### Triển khai các nhóm chức năng chéo

Các sáng kiến thành công luôn có một nhóm quản lý chương trình đa chức năng được dẫn dắt bởi một người lãnh đạo tiên phong. Nhóm cốt lõi này chịu trách nhiệm giám sát và điều phối công việc trong suốt hành trình khai thác cơ hội số hóa. Các thành viên của nó thường bao gồm đại diện người dùng (từ nhân viên bán hàng tới tiếp thị), kỹ sư (nhà khoa học dữ liệu, các scrum master (người dạy dỗ,

hướng dẫn, kết nối nhóm chuyên gia trải nghiệm người dùng, kiến trúc sư phần mềm, v.v.) và người điều phối (chẳng hạn như quản lý dự án, chuyên gia quản lý thay đổi, người hỗ trợ bán hàng và các chuyên gia tài chính).

Các nhóm chức năng chéo bổ sung sẽ tham gia vào những giai đoạn tập trung khi cần có kỹ năng của họ. Số lượng và thành phần của các đội bổ sung này phụ thuộc vào phạm vi và quy mô của nhiệm vụ.

Các đội đa dạng, khi được tận dụng tốt, sẽ đảm bảo tính khả thi về mặt kỹ thuật, khả năng sử dụng và giá trị. Ngược lại, các nhóm thiếu sự đa dạng về chức năng luôn dẫn đến mặc dù có sức mạnh ở một mặt nhưng lại có những sai sót nghiêm trọng ở những mặt khác, dẫn đến những thách thức về sự chấp nhận hoặc tính bền vững.

UCB đã tạo ra một số nhóm chức năng chéo để thực hiện các nỗ lực khai thác số của mình. Một nhóm phụ được giao nhiệm vụ xây dựng giải pháp hướng tới người dùng bao gồm các đại diện từ bán hàng, công nghệ, phân tích và hoạt động. Một nhóm phụ khác có thành viên tương tự tập trung vào cơ sở hạ tầng dữ liệu. Tuy nhiên, một nhóm phụ khác được giao trách nhiệm hoạch định các nỗ lực triển khai và quản lý biến đổi. Nhóm này bao gồm các nhà lãnh đạo từ bán hàng, tiếp thị và hoạt động bán hàng. Quan trọng nhất, nhóm được gọi là EET (một nhóm có kinh nghiệm sớm) bao gồm những nhân viên bán hàng tiêu biểu của lực lượng bán hàng lớn hơn, chứ không chỉ là những người đại diện giỏi về công nghệ nhất. Các thành viên EET đã trở thành những người chấp nhận tiên phong, những người có công trong việc định hình giải pháp.

## **Thực hiện cách tiếp cận linh hoạt**

Ngành công nghiệp phát triển phần mềm đã chuyển mạnh từ cách tiếp cận “thác nước” để hoàn thành dự án sang cách tiếp cận “linh hoạt”. Với mô hình thác nước, cách làm việc tuần tự, truyền thống, các nhóm thường dành một năm trở lên cho một quy trình thiết kế hoàn chỉnh một hệ thống, sau đó xây dựng và vận hành nó, luôn hoàn thành một giai đoạn trước khi bắt đầu giai đoạn tiếp theo. Mô hình mới linh hoạt hơn và mang tính gia tăng, liên quan đến việc thiết kế, xây dựng, triển khai, học hỏi và sau đó lặp đi lặp lại. Một cách tiếp cận linh hoạt là chìa khóa để quản lý các sáng kiến khai thác cơ hội số hóa trong bán hàng.

Kinh nghiệm của tổ chức bán hàng của Microsoft là một ví dụ tuyệt vời. Việc phát triển nhóm cố vấn tuân thủ quy tắc 10/10/10 cho mỗi dự án (sprint): 10 giờ để xác định vấn đề kinh doanh, 10 ngày để thiết kế mô hình giải quyết vấn đề và 10 tuần để thử nghiệm giải pháp. Nhóm tập trung vào trải nghiệm người dùng và tạo ra một giao diện đơn giản và dễ hiểu cho Daily Recommender. Kết quả là các nhân viên bán hàng đã có thể sử dụng thành thạo công cụ này một cách đơn giản. Và nó tiếp tục



phát triển, bởi vì khi người dùng chấp nhận hoặc từ chối các đề xuất hành động mà nó tạo ra, nên các lựa chọn của họ sẽ đào tạo và cải thiện các thuật toán.

Sáng kiến khai thác cơ hội số hóa tại UCB cũng áp dụng cách tiếp cận linh hoạt. Dự án bắt đầu với bằng chứng về khái niệm: UCB đã phát triển một thuật toán dự đoán và chạy mô phỏng bằng cách sử dụng dữ liệu lịch sử để cho thấy rằng cách tiếp cận có thể hoạt động. Sau đó, công ty đã xây dựng một sản phẩm khả thi tối thiểu - một công cụ đơn giản với các tính năng quan trọng để hướng dẫn các đại diện bán hàng sử dụng các đề xuất của thuật toán với khách hàng. Các đại diện bán hàng ở một EET đã

thử nghiệm công cụ này và chia sẻ phản hồi. Khi sáng kiến được tiến hành, nhóm phát triển đã sử dụng các sprint hai tuần chạy nước rút để ra mắt các bản phát hành mới. Phạm vi công việc cho mỗi sprint vẫn cố định, nhưng các nhà phát triển đã sửa đổi kế hoạch cho sprint tiếp theo để phản ánh phản hồi từ EET.

### **Cho phép thay đổi cách tổ chức**

Trong bán hàng, quản lý sự biến đổi không chỉ là khiến tổ chức hành xử khác biệt. Nó còn là về việc thu hút mọi người tham gia hoạch định sự biến đổi để đảm bảo rằng nó mang lại giá trị cho những người bị ảnh hưởng. EET thử nghiệm các phiên bản đầu tiên của các giải pháp để

xem liệu chúng có hữu ích và có thể thực hiện được hay không. Các chuyên gia trải nghiệm người dùng về các nhóm chức năng chéo sẽ định hình thiết kế hệ thống sao cho tương tác giữa con người và công nghệ mang tính trực quan và góp phần vào năng suất.

Bốn khía cạnh của việc bán hàng có ý nghĩa độc đáo đối với việc quản lý biến đổi. Thứ nhất, nhân viên bán hàng thường làm việc một mình ở các địa điểm khác nhau. Điều đó có nghĩa là việc tuyên truyền sự biến đổi trong toàn bộ đội ngũ bán hàng có thể gặp khó khăn. Ngoài khách hàng, một người mà các đại diện bán hàng thường xuyên liên lạc là người quản lý của họ. Do đó, các nhà quản lý bán hàng cấp cơ sở có thể là tác nhân lý tưởng để tạo điều kiện cho sự biến đổi.

Trong khi các nhà lãnh đạo cấp cao có thể giải thích lý do của sự biến đổi và thúc đẩy thay thế quản lý, các nhà quản lý cấp cơ sở (hoặc những người có ảnh hưởng ngang hàng) ở vị trí tốt nhất để thảo luận về các chi tiết và chủ đề nhạy cảm (chẳng hạn như các biện pháp mới có thể được đưa ra để đánh giá hiệu suất bán hàng của nhân viên màn). Quan trọng là phải nhận ra rằng khi các nhà quản lý hỗ trợ nhân viên của

họ áp dụng khai thác cơ hội số hóa, họ cũng sẽ cần phải đảm nhận những trách nhiệm mới. Ngoài việc huấn luyện và chỉ đạo các cá nhân đạt được doanh thu bán hàng, thì giờ đây họ phải giúp họ áp dụng dữ liệu và công nghệ và thay đổi chiến thuật cho phù hợp. Các nhà quản lý tự do dự về kỹ thuật số hoặc trưởng thành trong môi trường chuyển giao trách nhiệm giải trình theo kiểu từ trên xuống có thể thấy đây là một sự thay đổi lớn.

Thứ hai, nhân viên bán hàng đã quen với việc nắm quyền tự chủ khi làm việc với khách hàng. Khai thác cơ hội số hóa có thể đe dọa quyền tự chủ này, khiến việc thực hiện thay đổi trở nên đặc biệt khó khăn. Các nhân viên đại diện bán hàng và người quản lý có thể quen với việc dựa vào đánh giá của riêng họ về thời điểm và cách thức tương tác với từng khách hàng. Với khai thác cơ hội số hóa, họ phải thích ứng với cách tiếp cận theo hướng dữ liệu hơn. Các tổ chức bán hàng có thể giúp quá trình chuyển đổi dễ dàng hơn bằng cách đưa ra những diễn giải cho các đề xuất do AI điều khiển, ví dụ: kèm theo đề xuất sản phẩm với thông báo rằng “tài khoản này có khả năng mua mặt hàng này vì các tài khoản khác có mô hình mua tương tự cũng đã mua nó”. Việc



áp dụng được cải thiện khi nhân viên bán hàng cung cấp phản hồi về việc liệu mỗi đề xuất do máy tạo ra có hữu ích hay không, và nếu không, tại sao. Phản hồi không chỉ giúp thuật toán kết hợp các thông tin chi tiết thực tế; mà nó cũng mang lại cho nhân viên cảm giác sở hữu để thúc đẩy việc tiếp tục sử dụng và tin tưởng vào ứng dụng.

Thứ ba, nhiều nhân viên bán hàng ngại thay đổi cách họ tương tác với khách hàng vì sợ đặt các mối quan hệ hiện có vào rủi ro. Họ thích gắn bó với những gì hiệu quả cho đến khi tận mắt thấy rằng một cách tiếp cận mới tốt hơn. Đó là lý do tại sao các EET làm định hình và kiểm soát một cách chặt chẽ các biến đổi thay đổi sẽ rất quan trọng. Các nhân viên bán hàng cũng có kỹ năng công nghệ và hiểu biết về kỹ thuật số rất khác nhau, do đó, đào tạo và hỗ trợ người dùng sau khi ra mắt sản phẩm là rất quan trọng để thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp bán hàng kỹ thuật số. Thành công sẽ dễ tới khi các giải pháp được nhúng vào quy trình làm việc hàng ngày của nhân viên bán hàng. Do đó, các chương trình đào tạo tốt nhất giải quyết những biến đổi trong quy trình kinh doanh và bộ kỹ năng của mọi người thay vì tập trung vào bản thân công cụ.

Tại UCB, các thành viên của EET đã hỗ trợ liên tục cho các đồng nghiệp của họ trong khi hoạt động như những người truyền bá giải pháp khi nó được giới thiệu. Các đại diện thương mại sẽ dễ tin tưởng đồng nghiệp của họ về các vấn đề giá trị và tác động, trong khi họ có xu hướng nghi ngờ sự hướng dẫn của nhân viên ở trụ sở chính.

Khai thác cơ hội số hóa bán hàng đang được triển khai với tốc độ chóng mặt. Để tối đa hóa cơ hội đạt được kết quả tuyệt vời, các tổ chức bán hàng nên tập trung vào năm hành động được nêu ở trên. Các công ty cũng nên sử dụng checklist để điều chỉnh khi mô hình kinh doanh phát triển và khi học hỏi từ những thành công và thất bại của mình. Bằng cách làm theo các đề xuất này, các công ty sẽ làm tăng tốc độ và tác động cho nỗ lực của mình - đồng thời giúp doanh số bán hàng tăng vọt./

## Tạo không gian an toàn cho đổi mới sáng tạo nhờ các chương trình gia tốc đổi mới sáng tạo

**G**ần đây, nhiều tổ chức nhà nước đang bắt đầu thành lập các đơn vị chính thức, chỉ chuyên tập trung vào đổi mới sáng tạo. Dưới đây là bốn mô hình tổ chức thành lập ra các đơn vị như vậy.

Một môi trường kinh doanh an toàn có khả năng đương đầu và thậm chí đề cao việc sẵn sàng chấp nhận rủi ro và học hỏi từ thất bại là rất quan trọng đối với đổi mới sáng tạo, đặc biệt là khi những nỗ lực đổi mới sáng tạo đó mang tính biến đổi cao. Phương pháp tiếp cận hoặc giải pháp mới càng có tiềm năng đột phá, thì càng nhanh phát sinh những lực đối kháng để giảm thiểu hoặc tiêu diệt mối đe dọa đến sự tồn tại của hiện trạng. Điều này đặc biệt đúng đối với bộ máy chính phủ, nơi rất dễ phát sinh việc chi tiêu cho những nỗ lực không thành công và những thất bại trong các lĩnh vực quan trọng đối với lợi ích quốc gia, từ y tế đến an ninh quốc gia, vốn được coi là không thể chấp nhận được đối với bộ máy chính phủ lẫn người dân.

Để giảm thiểu những rủi ro này và phát triển các giải pháp đầy hứa hẹn, rất nhiều cơ quan ở một số nước đã bắt đầu thành lập các đơn vị đổi mới sáng tạo chính

thức. Những đơn vị này khác nhau về hoạt động và chức năng. Một yếu tố quan trọng để làm nên thành công của các đơn vị này là liệu chúng có thực sự được hoạch định với tinh thần hỗ trợ cho các hoạt động theo đúng chức năng hay không. Một cách đơn giản để tiến hành hoạch định một đơn vị đổi mới là xem xét liệu nó có tập trung vào việc lấy ý tưởng từ các nguồn bên trong hay bên ngoài, và liệu nó tập trung vào phát triển giải pháp hay thúc đẩy đổi mới giữa các nhóm liên quan khác. Dưới đây là một số mô hình tiêu biểu.

### • Xây dựng giải pháp nội bộ (định hướng nội bộ, chú trọng vào giải pháp)

Ở khu vực tư nhân, một số mô hình đơn vị đổi mới phổ biến nhất là những mô hình tập trung vào phát triển các giải pháp nội bộ. Từ skunkworks (Chương trình phát triển sản phẩm thực hiện bên ngoài quá trình bình thường), đến các cửa hàng thử nghiệm, hay các hãng phim, các nhóm này tuyển dụng các cá nhân có kỹ năng để đưa ý tưởng vào cuộc sống với vai trò như những giải pháp hữu hình. Họ có thể gồm các nhà thiết kế sản phẩm, lập trình viên, nhà khoa học hành vi xã hội, những người

thường sử dụng các kỹ thuật dựa trên thiết kế và nhanh gọn như tạo mẫu nhanh, thử nghiệm A/B và khung dây để khám phá tiềm năng của các khái niệm giải pháp mới với chi phí tối thiểu.

Ở khu vực công của nước Mỹ, các nhóm như Văn phòng Cơ khí Đô thị mới của Boston đã thực hiện chức năng này bằng cách khám phá các phương pháp tiếp cận mới để cải thiện đời sống của người dân Boston. Bằng cách phát triển, thử nghiệm và đánh giá các giải pháp mới và sau đó biến các giải pháp hiệu quả thành các chương trình bền vững, nhóm hiện là nhà cung cấp giải pháp nội bộ cho những thách thức mà Boston phải đối mặt. Dịch vụ Kỹ thuật số Mỹ cũng cung cấp năng lực phát triển giải pháp nội bộ tương tự cho Chính phủ liên bang Mỹ bằng cách xây dựng các sản phẩm kỹ thuật số mới cho nhiều cơ quan khác nhau.

- **Khai thác (spinning) các giải pháp bên ngoài (định hướng bên ngoài, tập trung vào giải pháp)**

Các đơn vị đổi mới sáng tạo tập trung vào xác định các giải pháp bên ngoài và sau đó sửa đổi chúng để sử dụng nội bộ. Giống như một nhóm liên doanh trong một công ty lớn, các nhóm này tập trung vào “khai thác” các giải pháp đầy hứa hẹn và điều chỉnh

chúng khi cần để phù hợp với bối cảnh khu vực công. Các tổ chức này thường cần có năng lực thu mua nhanh và tầm nhìn bao quát để theo kịp các giải pháp mới đầy hứa hẹn và mua chúng để sử dụng khu vực công, cũng như tập hợp kỹ năng thiết kế lấy con người làm trung tâm để điều chỉnh các giải pháp cho nhu cầu của các thành phần trong khu vực công. Ví dụ, Trung tâm gia tốc đổi mới của Chương trình lương thực thế giới (WFP) đã điều chỉnh các mô hình kinh doanh và công nghệ mới để sử dụng trong các thị trường và chuỗi cung ứng thực phẩm. Nó không tập trung vào phát minh ra các công nghệ mới mà thay vào đó là mở rộng các giải pháp. WFP thường 150.000 USD để xây dựng bằng chứng về khái niệm cho các ý tưởng triển vọng và sau đó làm việc trực tiếp với nhà phát minh giải pháp để phát triển chúng cho các nhu cầu nhiệm vụ của WFP.

Tại Mỹ, Tổ chức Đánh bại Mối đe dọa Chung được thành lập để liên tục tìm kiếm các năng lực thương mại mới nhất và nhanh chóng thu mua các giải pháp hứa hẹn cho Bộ Quốc phòng Mỹ. Cơ quan Nghiên cứu và Phát triển Y sinh Tiến bộ của Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Mỹ đã thực hiện chức năng tương tự đối với lĩnh vực y tế thông qua Bộ phận Nghiên cứu, Đổi mới và Liên doanh, tập trung

vào việc xác định các giải pháp an ninh y tế có triển vọng trong các hệ sinh thái đổi mới hiện có và đầu tư vào các công ty này như một phần của quan hệ đối tác nhà nước - tư nhân.

- **Kích hoạt hệ sinh thái đổi mới (định hướng bên ngoài, tập trung hỗ trợ)**

Ở khu vực nhà nước, một tổ chức không cần phải tự phát triển các giải pháp để thúc đẩy đổi mới phù hợp với các ưu tiên kế hoạch hay hoạt động của mình. Bởi vì các tổ chức khác thường tập trung vào cùng các lĩnh vực hoặc các lĩnh vực tương tự - từ cải thiện kết quả y tế cộng đồng, giảm nghèo, hay tăng khả năng tiếp cận các cơ hội giáo dục. Qua đó, giá trị lớn nhất đôi khi lại có được nhờ khiến cho những tổ chức khác đổi mới hiệu quả hơn.

Một số đơn vị đổi mới được hoạch định để đảm nhiệm vai trò “người kích hoạt hệ sinh thái” bằng cách tạo ra các ưu đãi mới hoặc các giải thưởng, cho phép những tổ chức khác đổi mới thông qua dữ liệu mở hoặc liên kết với các nhóm khác trong các hoạt động ví dụ như các cuộc thi hackathons. Các tổ chức này phải có khả năng nhanh chóng đánh giá các tác nhân khác trong hệ sinh thái của họ, thiết lập các mối quan hệ đối tác đổi mới mạnh và xác định vai trò phù hợp vào đúng thời điểm để

tạo ra giá trị lớn nhất. Chính phủ Đan Mạch đã hỗ trợ chương trình GovTech để giúp các công ty khởi nghiệp công nghệ cung cấp các giải pháp mới để tạo ra giá trị cho khu vực công. Nhóm Experimental Phần Lan được thành lập, trực thuộc văn phòng thủ tướng Phần Lan vào năm 2015 để thúc đẩy văn hóa thử nghiệm. Nhóm đã ra mắt một nền tảng kỹ thuật số có tên Kokeilunpaikka (có nghĩa là “Nơi thử nghiệm”) để khuyến khích người dân tìm hiểu về các thử nghiệm và thiết kế các thử nghiệm của chính họ. Ví dụ, một nhóm y tá đã gửi ý tưởng về áo khoác robot để giúp họ nâng đỡ bệnh nhân ốm yếu. Chương trình gia tốc đổi mới KidneyX được ra mắt vào năm 2018 với vai trò là hợp tác công tư giữa Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Mỹ và Hiệp hội Thận của Mỹ, sử dụng các giải thưởng crowd-sourced (huy động từ cộng đồng) và các phương tiện khác để giúp các công ty khởi nghiệp giai đoạn đầu phát triển các loại thuốc và liệu pháp sáng tạo.

- **Tạo điều kiện cho sự đổi mới từ bên trong (định hướng nội bộ, tập trung vào hỗ trợ)**

Cuối cùng, một số đơn vị đổi mới sẽ hoạt động như các chất xúc tác tập trung vào hướng nội bộ, bằng cách giúp các nhóm khác trong tổ chức hoặc trong mạng lưới đổi mới sáng tạo dễ dàng hơn. Những tổ chức này thực hiện



các chức năng như đào tạo nhân viên cho tổ chức của họ, đưa ra các cơ chế để nhân viên biểu đạt ý tưởng sáng tạo của họ tới lãnh đạo tổ chức và phát hành các bộ công cụ để giúp thúc đẩy các nỗ lực đổi mới.

Ví dụ, Phòng thí nghiệm tại Văn phòng Quản lý Nhân sự, là trung tâm giáo dục của chính phủ Liên bang Mỹ được xây dựng để tạo ra các năng lực hoạch định lấy con người làm trung tâm trong khắp lượng lao động ở khu vực nhà nước, thông qua học tập dựa trên dự án, chương trình giảng dạy thiết kế toàn diện và tư duy lãnh đạo về hoạch định trong chính phủ. Tương tự, Cơ sở Đổi mới của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc giúp các văn phòng quốc gia thử nghiệm các công nghệ tiên tiến và phương pháp tiếp cận mới với nỗ lực mang lại những kết quả tốt hơn. Kể từ khi thành lập, Cơ sở Đổi mới đã hỗ trợ hơn 140 thử nghiệm cấp quốc gia trên 87 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Những mô hình này không loại trừ lẫn nhau, mà chúng có thể giúp cơ quan chính phủ tư duy thông qua các loại hình hoạt động tập trung vào những nỗ lực đổi mới. Nhiều đơn vị đổi mới là những đơn vị lai tạo của các nguyên mẫu nêu trên. Tuy nhiên, tư duy thông qua các loại hình hoạt động mà một đơn vị đổi mới tham gia chỉ là

bước quan trọng đầu tiên để xác định cơ cấu tổ chức, kỹ năng và cơ sở hạ tầng cần để khiến cho đơn vị đó thành công.

Một điểm quan trọng cần lưu ý là sự tồn tại của một trong những đơn vị đổi mới này không loại trừ những nỗ lực rộng lớn để hệ thống hóa đổi mới sáng tạo trên toàn một tổ chức. Những nhà lãnh đạo sáng tạo và giỏi nhất thường khuyến khích nhân viên của họ sẵn sàng chấp nhận những rủi ro mang tính chiến lược, đưa ra những cơ hội đào tạo và xây dựng kỹ năng khác và đưa ra các khuyến khích để thúc đẩy các hoạt động liên quan đến đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, khi phải đối mặt với nạn quan liêu hoặc các rào cản khác có thể giết chết các nỗ lực đổi mới trước khi chúng có cơ hội chứng minh giá trị của mình, vì vậy một đơn vị đổi mới chuyên biệt có thể sẽ phát huy được tối đa vai trò và đem lại lợi ích rất nhiều./.

***Nguồn: Bản tin Đổi mới sáng tạo, Cục Thông tin KH&CN Quốc gia***

## Thông tư Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học (QCVN 1:2022/BKHCHN)

**N**gày 15/12/2022, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã ban hành Thông tư số 16/2022/TT-BKHCHN Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học.

Thông tư Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học QCVN 1:2022/BKHCHN bao gồm một số nội dung cụ thể như sau:

- Bổ sung phạm vi điều chỉnh so với QCVN 1:2015/BKHCHN và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCHN đối với nhiên liệu sinh học gốc, gồm: Etanol nhiên liệu không biến tính, Etanol nhiên liệu biến tính và nhiên liệu diesel sinh học gốc B100; Các nhiên liệu trong Quy chuẩn kỹ thuật này có mã HS được quy định trong Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022.

- Sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu chất lượng cơ bản về: Trị số Octan (RON); Hàm lượng chì; Thành phần cất phân đoạn ở 50% thể tích đối với xăng không chì, xăng E5 và xăng E10. Sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu chất lượng cơ bản về: Chỉ số xêtan; Nhiệt độ cất; Điểm chảy (điểm đông đặc) đối với nhiên liệu diesel, nhiên liệu diesel B5.

Lộ trình áp dụng:

- Kể từ ngày 15/6/2023, sản phẩm xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học sản xuất, pha chế, nhập khẩu và phân phối phải đáp ứng các quy định tại QCVN 01:2022/BKHCHN trước khi lưu thông trên thị trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất, pha chế, nhập khẩu và phân phối xăng, nhiên liệu

điêzen và nhiên liệu sinh học áp dụng các quy định tại QCVN 01:2022/BKHCN kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều khoản chuyển tiếp:

- Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng theo Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN và QCVN 1:2015/BKHCN hoặc QCVN 01:2022/BKHCN đối với các sản phẩm xăng, nhiên liệu điêzen mức 2, mức 3, mức 4 sản xuất, pha chế, nhập khẩu, phân phối từ ngày 01/02/2023 đến ngày 15/6/2023.

- Các sản phẩm xăng, nhiên liệu điêzen mức 2, mức 3, mức 4 sản xuất, pha chế, nhập khẩu, phân phối đã được chứng nhận hợp quy theo QCVN 1:2015/BKHCN và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN và lưu thông trên thị trường trước ngày 15/6/2023 được tiếp tục lưu thông trên thị trường đến ngày 15/6/2024.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2023.

Các văn bản quy phạm pháp luật sau đây hết hiệu lực thi hành theo quy định về lộ trình áp dụng và điều khoản chuyển tiếp Thông tư này:

- Thông tư số 22/2015/TT-BKHCN ngày 11/11/2015 của

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Về việc ban hành và thực hiện QCVN 1:2015/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học.

- Thông tư số 04/2017/TT-BKHCN ngày 22/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Về việc ban hành sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học./.